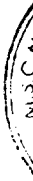


CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN TỔNG CÔNG TY TRUYỀN HÌNH CẤP VIỆT NAM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2017



**CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN TỔNG CÔNG TY TRUYỀN HÌNH CẤP VIỆT NAM**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2017**

<b>NỘI DUNG</b>	<b>TRANG</b>
Thông tin về doanh nghiệp	1
Báo cáo của Người đại diện theo pháp luật	2
Báo cáo kiểm toán	3
Bảng cân đối kế toán (Mẫu số B 01 - DN)	5
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh (Mẫu số B 02 - DN)	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (Mẫu số B 03 - DN)	8
Thuyết minh báo cáo tài chính (Mẫu số B 09 - DN)	9



## CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN TỔNG CÔNG TY TRUYỀN HÌNH CÁP VIỆT NAM

### TRÁCH NHIỆM CỦA NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA TỔNG CÔNG TY ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Người đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH Một thành viên Tổng Công ty Truyền hình cáp Việt Nam ("Tổng Công ty") chịu trách nhiệm lập báo cáo tài chính riêng thể hiện trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc vào ngày nêu trên. Trong việc lập báo cáo tài chính riêng này, Người đại diện theo pháp luật được yêu cầu phải:

- chọn lựa các chính sách kế toán phù hợp và áp dụng một cách nhất quán;
- thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng; và
- lập báo cáo tài chính trên cơ sở đơn vị hoạt động liên tục trừ khi giả định đơn vị hoạt động liên tục là không phù hợp.

Người đại diện theo pháp luật của Tổng Công ty chịu trách nhiệm bảo đảm rằng các sổ sách kế toán đúng đắn đã được thiết lập và duy trì để thể hiện tình hình tài chính của Tổng Công ty với độ chính xác hợp lý tại mọi thời điểm và để làm cơ sở lập báo cáo tài chính riêng tuân thủ theo chế độ kế toán được trình bày ở Thuyết minh số 2 của báo cáo tài chính riêng. Người đại diện theo pháp luật của Tổng Công ty cũng chịu trách nhiệm đối với việc bảo vệ các tài sản của Tổng Công ty và thực hiện các biện pháp hợp lý để ngăn ngừa và phát hiện các gian lận và các sai sót khác.

### PHÊ CHUẨN BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Theo đây, tôi phê chuẩn báo cáo tài chính riêng đính kèm từ trang 5 đến trang 41. Báo cáo tài chính riêng này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng của Công ty nên đọc cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty và các công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 để có đủ thông tin về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Tổng Công ty và các công ty con. *Huân*



Hoàng Ngọc Huân  
Chủ tịch/Người đại diện theo pháp luật

Hà Nội, nước CHXHCN Việt Nam  
Ngày 31 tháng 3 năm 2018



**BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP  
GỬI CHỦ SỞ HỮU CỦA CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN TỔNG CÔNG TY TRUYỀN HÌNH  
CẤP VIỆT NAM**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty TNHH Một thành viên Tổng Công ty Truyền hình cấp Việt Nam (“Tổng Công ty”) được lập ngày 31 tháng 12 năm 2017 và được Người đại diện theo pháp luật của Tổng Công ty phê duyệt ngày 31 tháng 3 năm 2018. Báo cáo tài chính riêng này bao gồm: bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên, và thuyết minh báo cáo tài chính riêng bao gồm các chính sách kế toán chủ yếu từ trang 5 đến trang 41.

**Trách nhiệm của Người đại diện theo pháp luật**

Người đại diện theo pháp luật của Tổng Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Người đại diện theo pháp luật xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

**Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng này dựa trên kết quả cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Lãnh đạo cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



### Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty TNHH Một thành viên Tổng Công ty Truyền hình cáp Việt Nam tại 31 tháng 12 năm 2017 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

### Vấn đề cần nhấn mạnh

Mặc dù không đưa ra ý kiến kiểm toán ngoại trừ, chúng tôi lưu ý người đọc đến Thuyết minh 2.1 trong báo cáo tài chính riêng cho thấy tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, nợ ngắn hạn (không bao gồm các khoản người mua trả tiền trước với giá trị là 213.663.560.945 Đồng Việt Nam) vượt quá tài sản ngắn hạn của Tổng Công ty 398.002.488.888 Đồng Việt Nam (tại ngày 31 tháng 12 năm 2016: 314.426.650.917 Đồng Việt Nam). Vấn đề này cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Tổng Công ty. Tuy nhiên, theo đánh giá của Ban Lãnh đạo của Tổng Công ty, Tổng Công ty vẫn có thể duy trì khả năng thanh toán các khoản công nợ khi đến hạn bằng dòng tiền tạo ra từ hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty và các nguồn vốn khác trong đó có các khoản vay ngân hàng.

### Thay mặt và đại diện cho Chi nhánh Công ty TNHH PwC (Việt Nam) tại Hà Nội



Trần Hồng Kiên

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0298-2018-006-1

Chữ ký được ủy quyền

Đỗ Đức Hậu

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2591-2018-006-1

Số hiệu báo cáo kiểm toán: HAN 2007

Hà Nội, ngày 28 tháng 4 năm 2018

Như đã nêu trong thuyết minh 2.1 của báo cáo tài chính riêng, báo cáo tài chính riêng kèm theo không nhằm mục đích phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán đã được thừa nhận ở các nước và các thể chế khác ngoài nước CHXHCN Việt Nam, và hơn nữa, cũng không dành cho những người sử dụng nào không biết các nguyên tắc, các thủ tục và các thông lệ kế toán Việt Nam.

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN TỔNG CÔNG TY TRUYỀN HÌNH CẤP VIỆT NAM

Mẫu số B 01 – DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Tại ngày 31 tháng 12 năm	
			2017 VNĐ	2016 VNĐ
100	<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>849.026.369.276</b>	<b>825.265.769.195</b>
110	Tiền và các khoản tương đương tiền	3	60.640.940.496	63.844.399.523
111	Tiền		60.640.940.496	63.844.399.523
130	<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>323.351.339.967</b>	<b>261.418.925.883</b>
131	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	244.760.018.539	173.786.368.679
132	Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	9.818.273.835	42.295.583.434
136	Phải thu ngắn hạn khác	7(a)	86.897.942.625	62.820.730.740
137	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	5	(18.126.083.032)	(17.552.241.886)
139	Tài sản thiếu chờ xử lý		1.188.000	68.484.916
140	<b>Hàng tồn kho</b>	8	<b>327.427.046.517</b>	<b>365.915.176.213</b>
141	Hàng tồn kho		327.473.801.341	366.610.764.242
149	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(46.754.824)	(695.588.029)
150	<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>137.607.042.296</b>	<b>134.087.267.576</b>
151	Chi phí trả trước ngắn hạn	9(a)	108.924.891.366	91.026.372.619
152	Thuế GTGT được khấu trừ		20.005.752.059	25.317.311.506
153	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	14(a)	8.676.398.871	17.743.583.451
200	<b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>1.562.264.673.666</b>	<b>1.583.859.390.912</b>
210	<b>Các khoản phải thu dài hạn</b>		<b>39.423.987.269</b>	<b>29.334.330.880</b>
216	Phải thu dài hạn khác	7(b)	39.423.987.269	29.334.330.880
220	<b>Tài sản cố định</b>		<b>646.677.503.675</b>	<b>633.919.934.255</b>
221	Tài sản cố định hữu hình	10(a)	614.103.519.209	601.934.454.649
222	Nguyên giá		1.946.544.324.255	1.688.914.117.101
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(1.332.440.805.046)	(1.086.979.662.452)
227	Tài sản cố định vô hình	10(b)	32.573.984.466	31.985.479.606
228	Nguyên giá		81.981.487.456	64.248.080.098
229	Giá trị khấu hao lũy kế		(49.407.502.990)	(32.262.600.492)
240	<b>Tài sản dở dang dài hạn</b>		<b>131.091.003.530</b>	<b>135.991.646.279</b>
242	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	11	131.091.003.530	135.991.646.279
250	<b>Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>		<b>302.081.928.788</b>	<b>298.481.928.788</b>
251	Đầu tư vào công ty con	4(a)	161.003.588.788	161.003.588.788
252	Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	4(b)	141.078.340.000	137.478.340.000
260	<b>Tài sản dài hạn khác</b>		<b>442.990.250.404</b>	<b>486.131.550.710</b>
261	Chi phí trả trước dài hạn	9(b)	442.413.088.971	485.615.593.987
262	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại		577.161.433	515.956.723
270	<b>TỔNG TÀI SẢN</b>		<b>2.411.291.042.942</b>	<b>2.409.125.160.107</b>

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 41 là một phần cấu thành báo cáo tài chính riêng này.

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN TỔNG CÔNG TY TRUYỀN HÌNH CẤP VIỆT NAM

Mẫu số B 01 – DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN  
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Tại ngày 31 tháng 12 năm	
			2017 VNĐ	2016 VNĐ
300	<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>1.937.949.343.967</b>	<b>1.936.118.901.320</b>
310	<b>Nợ ngắn hạn</b>		<b>1.460.692.419.109</b>	<b>1.329.097.828.531</b>
311	Phải trả người bán ngắn hạn	12(a)	544.301.831.846	489.708.877.393
312	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	13(a)	213.663.560.945	189.405.408.419
313	Thuế và các khoản phải nộp ngân sách Nhà nước	14(b)	4.847.210.209	2.150.479.005
314	Phải trả người lao động		54.443.056.662	61.352.697.180
315	Chi phí phải trả ngắn hạn	15	33.849.512.468	22.352.965.311
319	Phải trả ngắn hạn khác	16(a)	181.936.641.862	127.003.678.455
320	Vay ngắn hạn	17(a)	399.517.760.772	400.952.430.224
322	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	18	28.132.844.345	36.171.292.544
330	<b>Nợ dài hạn</b>		<b>477.256.924.858</b>	<b>607.021.072.789</b>
331	Phải trả người bán dài hạn	12(b)	2.061.140.299	179.029.247.690
332	Người mua trả tiền trước dài hạn	13(b)	96.853.625.409	116.917.024.655
337	Phải trả dài hạn khác	16(b)	19.137.761.209	18.508.793.482
338	Vay dài hạn	17(b)	356.479.639.941	290.147.272.512
342	Dự phòng phải trả dài hạn	2.15	2.724.758.000	2.418.734.450
400	<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>473.341.698.975</b>	<b>473.006.258.787</b>
410	<b>Vốn chủ sở hữu</b>		<b>473.341.698.975</b>	<b>473.006.258.787</b>
411	Vốn góp của chủ sở hữu	19, 20	458.000.000.000	458.000.000.000
418	Quỹ đầu tư phát triển	20	15.341.698.975	15.006.258.787
421	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	20	-	-
440	<b>TỔNG NGUỒN VỐN</b>		<b>2.411.291.042.942</b>	<b>2.409.125.160.107</b>



Nguyễn Hoàng Giang  
Người lập



Trần Ngọc Huyền  
Kế toán trưởng



Hoàng Ngọc Huấn  
Chủ tịch/Người đại diện theo pháp luật  
Ngày 31 tháng 3 năm 2018

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 41 là một phần cấu thành báo cáo tài chính riêng này.



CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN TỔNG CÔNG TY TRUYỀN HÌNH CÁP VIỆT NAM

Mẫu số B 02 – DN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Mã số	Thuyết minh	Năm tài chính kết thúc ngày	
		31/12/2017 VNĐ	31/12/2016 VNĐ
01	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	2.293.359.833.497	2.056.107.094.602
02	Các khoản giảm trừ doanh thu	(35.657.587)	(11.065.199.435)
10	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	21 2.293.324.175.910	2.045.041.895.167
11	Giá vốn hàng bán	22 (1.717.808.543.245)	(1.465.820.844.203)
20	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	575.515.632.665	579.221.050.964
21	Doanh thu hoạt động tài chính	23 21.056.304.535	21.025.162.634
22	Chi phí tài chính	24 (60.991.740.221)	(38.945.328.405)
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay	(60.715.769.159)	(39.126.861.703)
25	Chi phí bán hàng	25 (192.382.115.210)	(196.588.714.314)
26	Chi phí quản lý doanh nghiệp	26 (269.758.100.213)	(283.161.066.954)
30	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	73.439.981.556	81.551.103.925
31	Thu nhập khác	307.264.778	1.305.899.487
32	Chi phí khác	(499.176.855)	(837.671.820)
40	(Lỗ)/lợi nhuận khác - số thuần	(191.912.077)	468.227.667
50	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	73.248.069.479	82.019.331.592
51	Chi phí thuế TNDN hiện hành	27 (10.741.575.197)	(1.941.323.898)
52	Thu nhập thuế TNDN hoãn lại	27 61.204.710	(11.489.030.298)
60	Lợi nhuận sau thuế TNDN	62.567.698.992	68.588.977.396



Nguyễn Hoàng Giang  
Người lập



Trần Ngọc Huyền  
Kế toán trưởng



Hoàng Ngọc Huân  
Chủ tịch/Người đại diện theo pháp luật  
Ngày 31 tháng 3 năm 2018

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 41 là một phần cấu thành báo cáo tài chính riêng này.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2017**

**1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA TỔNG CÔNG TY**

Công ty TNHH Một thành viên Tổng Công ty Truyền hình cáp Việt Nam (“Tổng Công ty” hay “VTVcab”) được thành lập tại nước CHXHCN Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0105926285 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu vào ngày 26 tháng 6 năm 2012. Tiền thân của Tổng Công ty là Trung tâm Dịch vụ kỹ thuật cáp trực thuộc Đài Truyền hình Việt Nam (“VTV”) được thành lập ngày 20 tháng 9 năm 1995. Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp của Tổng Công ty được thay đổi lần gần nhất (lần thứ 5) vào ngày 5 tháng 10 năm 2017.

Tổng Công ty là một công ty TNHH Một thành viên được sở hữu toàn bộ bởi Đài Truyền hình Việt Nam (“VTV”). Hoạt động kinh doanh chính của Tổng Công ty bao gồm:

- Cung cấp dịch vụ truyền hình trả tiền;
- Thực hiện hoạt động viễn thông có dây (điều hành hệ thống phát bằng cáp);
- Hoạt động cung cấp dịch vụ truy cập internet bằng mạng viễn thông có dây;
- Quảng cáo truyền hình;
- Thực hiện hoạt động sản xuất chương trình truyền hình;
- Bán buôn, bán lẻ thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông;
- Hoạt động môi giới bản quyền, sắp xếp cho việc mua-bán bản quyền; và
- Cung cấp dịch vụ viễn thông và thiết lập mạng viễn thông cố định mặt đất.

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tổng Công ty là 12 tháng.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Tổng Công ty có 3 công ty con và 4 công ty liên kết là:

Công ty	Địa điểm	Ngành nghề chính	% sở hữu
<b>Công ty con (Thuyết minh 4(a))</b>			
- Công ty CP Công nghệ Việt Thành	Hồ Chí Minh	Dịch vụ truyền hình	51%
- Công ty CP Truyền hình tương tác Việt Nam	Hà Nội	Dịch vụ truyền hình	51%
- Công ty CP Phát triển Thể thao VTVcab	Hà Nội	Dịch vụ công nghệ thông tin	50,1%
<b>Công ty liên kết (Thuyết minh 4(b))</b>			
- Công ty CP VTVcab Nam Định	Nam Định	Dịch vụ truyền hình	39%
- Công ty TNHH Mua sắm tại nhà VTV-HYUNDAI	Hồ Chí Minh	Dịch vụ truyền hình	25%
- Công ty CP Truyền thông, Quảng cáo Đa phương tiện	Hà Nội	Dịch vụ quảng cáo	20%
- Công ty CP Truyền thông ON+	Hồ Chí Minh	Dịch vụ quảng cáo	36%

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Tổng Công ty có 53 chi nhánh (tại ngày 31 tháng 12 năm 2016: 50 chi nhánh) và có 1.724 nhân viên (tại ngày 31 tháng 12 năm 2016: 2.144 nhân viên).

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2017**

**2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

**2.1 Cơ sở của việc lập báo cáo tài chính riêng**

Báo cáo tài chính riêng đã được soạn lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Báo cáo tài chính riêng được lập theo nguyên tắc giá gốc.

Báo cáo tài chính riêng kèm theo không nhằm mục đích trình bày tình hình tài chính, kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán thường được chấp nhận ở các nước và các thể chế khác ngoài nước Việt Nam. Các nguyên tắc và thông lệ kế toán sử dụng tại nước Việt Nam có thể khác với các nguyên tắc và thông lệ kế toán tại các nước và các thể chế khác.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, nợ ngắn hạn (không bao gồm các khoản người mua trả tiền trước với giá trị là 213.663.560.945 Đồng Việt Nam) vượt quá tài sản ngắn hạn của Tổng Công ty là 398.002.488.888 Đồng Việt Nam (tại ngày 31 tháng 12 năm 2016: 314.426.650.917 Đồng Việt Nam), trong đó có 136.586.501.211 Đồng Việt Nam (tại ngày 31 tháng 12 năm 2016: 101.219.766.617 Đồng Việt Nam) là các khoản phải trả các công ty liên quan của Tổng Công ty (Thuyết minh 29(b)). Tuy nhiên, theo đánh giá của Ban Lãnh đạo, Tổng Công ty vẫn có thể duy trì khả năng thanh toán các khoản công nợ khi đến hạn bằng dòng tiền tạo ra từ hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty và các nguồn vốn khác trong đó có các khoản vay ngân hàng. Do đó, báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty được soạn lập trên cơ sở hoạt động liên tục.

**2.2 Năm tài chính**

Năm tài chính của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

**2.3 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán và được trình bày trên báo cáo tài chính riêng là Đồng Việt Nam ("VNĐ").

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá giao dịch thực tế áp dụng tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Tài sản và nợ phải trả bằng tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày của bảng cân đối kế toán lần lượt được quy đổi theo tỷ giá mua và tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty thường xuyên có giao dịch áp dụng tại ngày bảng cân đối kế toán. Các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng tại ngày của bảng cân đối kế toán được quy đổi theo tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Tổng Công ty mở tài khoản ngoại tệ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc quy đổi này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

**2.4 Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn), tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2017**

**2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**

**2.5 Khoản phải thu khách hàng**

Các khoản phải thu khách hàng được thể hiện theo giá trị ghi trên hóa đơn gốc trừ dự phòng các khoản phải thu khó đòi được ước tính dựa trên việc rà soát của Ban lãnh đạo đối với tất cả các khoản còn chưa thu tại thời điểm cuối năm. Các khoản nợ được xác định là không thể thu hồi sẽ được xóa sổ.

**2.6 Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được thể hiện theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được xác định trên cơ sở bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí khác có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Trong trường hợp các sản phẩm được sản xuất, giá gốc bao gồm tất cả các chi phí trực tiếp và chi phí sản xuất chung dựa trên mức độ hoạt động bình thường. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ. Dự phòng được lập cho hàng tồn kho bị lỗi thời, chậm lưu chuyển và bị hỏng.

**2.7 Đầu tư**

**(a) Đầu tư vào công ty con**

Công ty con là những doanh nghiệp mà Tổng Công ty có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp, thường đi kèm là việc nắm giữ hơn một nửa quyền biểu quyết. Sự tồn tại và tính hữu hiệu của quyền biểu quyết tiềm tàng đang được thực thi hoặc được chuyển đổi sẽ được xem xét khi đánh giá liệu Tổng Công ty có quyền kiểm soát doanh nghiệp hay không.

Đầu tư vào công ty con được hạch toán theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi có sự giảm giá trị của các khoản đầu tư.

**(b) Đầu tư vào các công ty liên doanh, liên kết**

Công ty liên doanh được thành lập bởi các bên góp vốn liên doanh có quyền đồng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động, là đơn vị có tư cách pháp nhân và hạch toán độc lập.

Công ty liên kết là tất cả các công ty trong đó Tổng Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải kiểm soát, thường được thể hiện thông qua việc nắm giữ từ 20% đến 50% quyền biểu quyết ở các công ty đó.

Đầu tư vào các công ty liên doanh, liên kết được hạch toán theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi có sự giảm giá trị của các khoản đầu tư.

**(c) Hợp đồng hợp tác kinh doanh**

Hợp đồng hợp tác kinh doanh ("BCC") là thỏa thuận bằng hợp đồng của Tổng Công ty với một hoặc nhiều bên để cùng thực hiện hoạt động kinh tế nhưng không hình thành pháp nhân độc lập. Hoạt động này có thể được đồng kiểm soát bởi các bên góp vốn theo thỏa thuận liên doanh hoặc kiểm soát bởi một trong số các bên tham gia.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2017**

**2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**

**2.7 Đầu tư (tiếp theo)**

**(c) Hợp đồng hợp tác kinh doanh (tiếp theo)**

BCC có thể được thực hiện dưới hình thức cùng nhau xây dựng tài sản hoặc hợp tác trong một số hoạt động kinh doanh. Các bên tham gia trong BCC có thể thỏa thuận chia doanh thu, chia doanh thu và chi phí, chia sản phẩm hoặc chia lợi nhuận sau thuế.

Hợp đồng hợp tác kinh doanh dưới hình thức hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát là hoạt động liên doanh không thành lập một cơ sở kinh doanh mới. Các bên liên doanh có nghĩa vụ và được hưởng quyền lợi theo thỏa thuận trong hợp đồng. Hoạt động của hợp đồng liên doanh được các bên góp vốn thực hiện cùng với các hoạt động kinh doanh thông thường khác của từng bên.

Tài sản đồng kiểm soát bởi các bên tham gia liên doanh là tài sản được các bên tham gia liên doanh mua, xây dựng, được sử dụng cho mục đích của liên doanh và mang lại lợi ích cho các bên tham gia liên doanh theo quy định của hợp đồng liên doanh. Các bên tham gia liên doanh được ghi nhận phần giá trị tài sản đồng kiểm soát mà mình được hưởng là tài sản trên báo cáo tài chính của mình.

Trừ khi có thỏa thuận khác nêu rõ trong hợp đồng hợp tác kinh doanh, tài sản cố định do các bên góp vốn cùng xây dựng chung (mạng truyền hình cáp) để tiến hành hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát sẽ được bàn giao sang cho một bên vận hành và kinh doanh. Bên vận hành và kinh doanh sẽ ghi nhận toàn bộ giá trị tài sản cố định đầu tư chung này là tài sản cố định của mình còn phần vốn góp của đối tác sẽ ghi nhận là khoản phải trả dài hạn khác trên báo cáo tài chính của mình. Bên còn lại sẽ ghi phần góp vốn xây dựng tài sản bàn giao là khoản phải thu dài hạn khác trên báo cáo tài chính của mình.

**2.8 Tài sản cố định**

*Tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình*

Tài sản cố định được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế. Nguyên giá bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc có được tài sản cố định.

*Khấu hao*

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng để giảm dần nguyên giá tài sản qua suốt thời gian hữu dụng ước tính. Các tỷ lệ khấu hao chủ yếu hàng năm như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	4% - 20%
Máy móc thiết bị	10% - 33,33%
Phương tiện vận tải	16,67%
Thiết bị quản lý	20% - 33,33%
Phần mềm	20% - 33,33%

Quyền sử dụng đất không có thời hạn được ghi nhận theo giá gốc và không khấu hao.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2017**

**2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**

**2.8 Tài sản cố định (tiếp theo)**

*Thanh lý*

Lãi và lỗ phát sinh do thanh lý nhượng bán tài sản cố định được xác định bằng số chênh lệch giữa khoản thu từ việc thanh lý nhượng bán tài sản cố định với giá trị còn lại của tài sản và chi phí thanh lý nhượng bán, và được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

*Chi phí xây dựng cơ bản dở dang*

Các tài sản trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê hoặc quản trị, hoặc cho bất kì mục đích nào khác, được ghi nhận theo giá gốc. Khấu hao của những tài sản này, cũng giống như các loại tài sản cố định khác, sẽ bắt đầu được trích khi tài sản đã sẵn sàng cho mục đích sử dụng.

**2.9 Thuê tài sản**

Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

**2.10 Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán. Chi phí trả trước chủ yếu bao gồm lợi thế thương mại, đầu thu kỹ thuật số trang bị cho khách hàng và trả trước cho chi phí quảng cáo, bản quyền chương trình truyền hình và thiết bị internet, công cụ, dụng cụ xuất dùng. Trong đó:

*Lợi thế thương mại:* phát sinh từ việc VTVcab mua lại các mạng truyền hình cáp và là phần chênh lệch giữa số tiền mà VTVcab đã bỏ ra mua và giá trị hợp lý của các tài sản mà VTVcab nhận. Giá trị hợp lý của các tài sản mà VTVcab nhận được do các công ty thẩm định giá đánh giá. Theo Công văn số 6443/BTC-CĐKT ngày 16 tháng 5 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành cho Tổng Công ty, lợi thế thương mại này được ghi nhận là chi phí trả trước dài hạn và phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 10 năm kể từ ngày được bàn giao các mạng truyền hình cáp từ bên bán.

*Đầu thu kỹ thuật số:* là giá trị của các đầu thu kỹ thuật số mà VTVcab trang bị cho khách hàng sử dụng dịch vụ truyền hình của VTVcab và được phân bổ theo đường thẳng trong suốt thời gian khách hàng cam kết sử dụng dịch vụ theo hợp đồng ký với VTVcab.

Các khoản chi phí trả trước khác được ghi nhận theo giá gốc và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2017**

**2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**

**2.11 Nợ phải trả**

Các khoản nợ phải trả được phân loại dựa vào tính chất bao gồm:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ.
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày của bảng cân đối kế toán.

**2.12 Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đối với hoạt động xây dựng hoặc sản xuất bất kỳ tài sản đủ tiêu chuẩn sẽ được vốn hóa trong thời gian mà các tài sản này được hoàn thành và chuẩn bị đưa vào sử dụng. Chi phí đi vay khác được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

**2.13 Chi phí phải trả**

Bao gồm các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

**2.14 Các khoản dự phòng**

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi: Tổng Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại, pháp lý hoặc liên đới, phát sinh từ các sự kiện đã xảy ra; việc thanh toán nghĩa vụ nợ có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và giá trị của nghĩa vụ nợ đó được ước tính một cách đáng tin cậy. Dự phòng không được ghi nhận cho các khoản lỗ hoạt động trong tương lai.

Dự phòng được tính trên cơ sở các khoản chi phí dự tính phải thanh toán nghĩa vụ nợ. Nếu ảnh hưởng về giá trị thời gian của tiền là trọng yếu thì dự phòng được tính trên cơ sở giá trị hiện tại với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Giá trị tăng lên do ảnh hưởng của yếu tố thời gian được ghi nhận là chi phí đi vay.

**2.15 Dự phòng trợ cấp thôi việc**

Theo Luật Lao động Việt Nam, người lao động của Tổng Công ty đã làm việc thường xuyên đủ 12 tháng trở lên được hưởng khoản trợ cấp thôi việc. Thời gian làm việc để tính trợ cấp thôi việc là tổng thời gian người lao động đã làm việc thực tế cho Tổng Công ty trừ đi thời gian người lao động đã tham gia bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật và thời gian làm việc đã được Tổng Công ty chi trả trợ cấp thôi việc.

Trợ cấp thôi việc của người lao động được trích trước cuối mỗi kỳ báo cáo theo tỷ lệ bằng một nửa mức lương bình quân tháng cho mỗi năm làm việc. Mức lương bình quân tháng để tính trợ cấp thôi việc dựa trên mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến trước ngày lập bảng cân đối kế toán này.

Khoản trích trước này được sử dụng để trả một lần khi người lao động chấm dứt hợp đồng lao động theo quy định hiện hành.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2017**

**2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**

**2.16 Phân phối lợi nhuận**

Việc phân phối lợi nhuận của Tổng Công ty được thực hiện theo Nghị định 91/2015/NĐ-CP do Chính phủ Việt Nam ban hành ngày 13/10/2015; Thông tư 219/2015/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2015 về Đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp; Thông tư 61/2016/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 11/4/2016 về Hướng dẫn thu, nộp và quản lý khoản lợi nhuận, cổ tức được chia cho phần vốn nhà nước đầu tư tại doanh nghiệp; và theo các quyết định của Đài Truyền hình Việt Nam.

Lợi nhuận sau thuế của Tổng Công ty được trích lập các quỹ khen thưởng, phúc lợi và quỹ đầu tư phát triển. Tổng Công ty thực hiện chuyển lợi nhuận còn lại sau khi trích lập các quỹ về Đài Truyền hình Việt Nam, chủ sở hữu, trong cùng năm tài chính.

**2.17 Ghi nhận doanh thu**

**(a) Doanh thu bán hàng**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Tổng Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Tổng Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Tổng Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu không được ghi nhận khi có yếu tố không chắc chắn mang tính trọng yếu về khả năng thu được tiền bán hàng hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Doanh thu được ghi nhận phù hợp với bản chất hơn hình thức và được phân bổ theo nghĩa vụ cung ứng hàng hóa. Trường hợp Tổng Công ty dùng thành phẩm, hàng hóa để khuyến mãi cho khách hàng kèm theo điều kiện mua hàng của Tổng Công ty thì Tổng Công ty phân bổ số tiền thu được để tính doanh thu cho cả hàng khuyến mãi và giá trị hàng khuyến mãi được tính vào giá vốn hàng bán.

**(b) Doanh thu dịch vụ**

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi dịch vụ đã được cung cấp, bằng cách tính mức độ hoàn thành của từng giao dịch, dựa trên cơ sở đánh giá tỉ lệ dịch vụ đã cung cấp so với tổng khối lượng dịch vụ phải cung cấp. Doanh thu cung cấp dịch vụ chỉ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2017**

**2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**

**2.17 Ghi nhận doanh thu (tiếp theo)**

**(c) Thu nhập lãi**

Thu nhập lãi được ghi nhận khi được hưởng.

**(d) Thu nhập từ cổ tức**

Thu nhập cổ tức được ghi nhận khi mà Tổng Công ty xác lập quyền nhận cổ tức từ các đơn vị đầu tư.

**2.18 Các khoản giảm trừ doanh thu**

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm chiết khấu thương mại, hàng bán bị trả lại và giảm giá hàng bán. Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được ghi nhận điều chỉnh giảm doanh thu kỳ phát sinh.

Các khoản giảm trừ doanh thu đối với sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ tiêu thụ trong kỳ, phát sinh sau ngày của bảng cân đối kế toán nhưng trước thời điểm phát hành báo cáo tài chính được ghi nhận điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ lập báo cáo.

**2.19 Giá vốn hàng bán**

Giá vốn bán hàng và cung cấp dịch vụ là tổng chi phí phát sinh của thành phẩm, hàng hóa, vật tư xuất bán và dịch vụ cung cấp cho khách hàng trong kỳ, được ghi nhận theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng.

**2.20 Chi phí tài chính**

Chi phí tài chính phản ánh những khoản chi phí hoạt động tài chính phát sinh trong kỳ chủ yếu bao gồm chi phí đi vay vốn và lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái.

**2.21 Chi phí bán hàng**

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ, chủ yếu bao gồm chi phí nhân viên, chi phí giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, và dịch vụ mua ngoài.

**2.22 Chi phí quản lý doanh nghiệp**

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của Tổng Công ty chủ yếu bao gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý, chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi, dịch vụ mua ngoài và chi phí bằng tiền khác.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2017**

**2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**

**2.23 Thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại**

Thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm toàn bộ số thuế thu nhập tính trên thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp. Chi phí thuế thu nhập bao gồm chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp hoặc thu hồi được tính trên thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp của năm hiện hành. Thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận là thu nhập hay chi phí khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của kỳ phát sinh, ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh từ một giao dịch hoặc sự kiện được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu trong cùng kỳ hay một kỳ khác.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính đầy đủ, sử dụng phương thức công nợ, tính trên các khoản chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả trên báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục này. Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo thuế suất dự tính được áp dụng trong niên độ mà tài sản được thu hồi hoặc khoản nợ phải trả được thanh toán dựa trên thuế suất đã ban hành hoặc xem như có hiệu lực tại ngày của bảng cân đối kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận khi có khả năng sẽ có lợi nhuận tính thuế trong tương lai để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

**2.24 Các bên liên quan**

Các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Tổng Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Tổng Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Tổng Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết là các bên liên quan. Các bên liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Tổng Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Tổng Công ty, những cá nhân quản lý chủ chốt bao gồm Tổng Giám đốc, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, Tổng Công ty căn cứ vào bản chất của mối quan hệ chứ không chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

**3 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	2017 VNĐ	2016 VNĐ
Tiền mặt	3.016.351.342	2.277.357.722
Tiền gửi ngân hàng	57.624.589.154	61.567.041.801
	<u>60.640.940.496</u>	<u>63.844.399.523</u>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2017**

**4 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**

**(a) Đầu tư vào công ty con**

	2017		2016	
	Giá gốc VNĐ	Dự phòng VNĐ	Giá gốc VNĐ	Dự phòng VNĐ
Công ty CP Công nghệ Việt Thành (i)	144.683.588.788	-	144.683.588.788	-
Công ty CP Truyền hình Tương tác Việt Nam (ii)	16.320.000.000	-	16.320.000.000	-
Công ty CP Phát triển Thể thao VTVcab (iii)	-	-	-	-
	<u>161.003.588.788</u>	<u>-</u>	<u>161.003.588.788</u>	<u>-</u>

**(i) Công ty CP Công nghệ Việt Thành**

Công ty CP Công nghệ Việt Thành (“VITA”) được thành lập tại Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0302807495 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 13/12/2002 và thay đổi Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp lần gần nhất (lần thứ 15) vào ngày 19/12/2016. Vốn điều lệ của VITA là 105.000.000.000 Đồng Việt Nam. Tại ngày 31/12/2017, Tổng Công ty sở hữu 51% vốn điều lệ của công ty con. Hoạt động kinh doanh chủ yếu của VITA là tiến hành các hoạt động viễn thông có dây, buôn bán thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông, cung cấp dịch vụ lắp đặt truyền hình cáp, truyền hình vệ tinh.

**(ii) Công ty CP Truyền hình Tương tác Việt Nam**

Công ty CP Truyền hình Tương tác Việt Nam (“VTVlive”) được thành lập tại Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0105941484 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 11/7/2012 (được thay thế bằng Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh lần thứ 7 vào ngày 8/9/2015; Giấy xác nhận thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp lần gần nhất vào ngày 5/1/2018). Vốn điều lệ của VTVlive là 32.000.000.000 Đồng Việt Nam. Tại ngày 31/12/2017, Tổng Công ty sở hữu 51% vốn điều lệ của công ty con. VTVlive hoạt động trong lĩnh vực nghiên cứu, chuyển giao công nghệ truyền thông, truyền hình; đầu tư phát triển các hạ tầng truyền thông đa phương tiện; phát triển công nghiệp nội dung số, cơ sở dữ liệu truyền thông đa phương tiện; và cung cấp nội dung và phát triển mạng lưới.

**(iii) Công ty CP Phát triển Thể thao VTVcab**

Công ty CP Phát triển Thể thao VTVcab (“VTVcab Sport”) được thành lập tại Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0108079365 do Sở kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 1/12/2017. Vốn điều lệ của VTVcab Sport là 2.000.000.000 Đồng Việt Nam. Trong đó Tổng Công ty chiếm 50,1% vốn điều lệ tương đương với 1.002.000.000 Đồng Việt Nam. Tuy nhiên, tại ngày 31/12/2017, Tổng Công ty chưa góp vốn vào công ty con này. Số vốn này đã được Tổng Công ty góp bằng tiền theo hình thức chuyển khoản qua ngân hàng vào ngày 12/3/2018. Hoạt động kinh doanh chủ yếu của VTVcab Sport là thực hiện hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và các dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính; hoạt động viễn thông có dây; sản xuất thiết bị truyền thông; quảng cáo và sản xuất các chương trình truyền hình.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2017**

**4 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**(b) Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết**

	2017		2016	
	Giá gốc VNĐ	Dự phòng VNĐ	Giá gốc VNĐ	Dự phòng VNĐ
Công ty TNHH Mua sắm tại nhà VTV-HYUNDAI (i)	111.275.000.000	-	111.275.000.000	-
Công ty CP Truyền thông, Quảng cáo Đa phương tiện (ii)	18.000.000.000	-	18.000.000.000	-
Công ty CP VTVcab Nam Định (iii)	8.203.340.000	-	8.203.340.000	-
Công ty CP Truyền thông ON+ (iv)	3.600.000.000	-	-	-
	<u>141.078.340.000</u>	<u>-</u>	<u>137.478.340.000</u>	<u>-</u>

*(i) Công ty TNHH Mua sắm tại nhà VTV-HYUNDAI*

Công ty TNHH Mua sắm tại nhà VTV-HYUNDAI (“VTV-HYUNDAI”) được thành lập tại Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0313572904 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 11/12/2015 và thay đổi Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp lần gần nhất (lần thứ 3) vào ngày 27/12/2016. Vốn điều lệ của VTV-HYUNDAI là 420.000.000.000 Đồng Việt Nam, tương đương với 20.000.000 Đô la Mỹ. Tại ngày 31/12/2017, Tổng Công ty sở hữu 25% vốn điều lệ của công ty liên kết. Hoạt động kinh doanh chủ yếu của VTV-HYUNDAI là sản xuất phim, chương trình truyền hình, dịch vụ quảng cáo và thực hiện quyền xuất nhập khẩu, phân phối bán buôn, bán lẻ hàng hóa.

*(ii) Công ty CP Truyền thông, Quảng cáo Đa phương tiện*

Công ty Cổ phần Truyền thông, Quảng cáo Đa phương tiện (“Smart Media”) là công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0103022641 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 28/2/2008 và thay đổi Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp lần gần nhất (lần thứ 6) vào ngày 19/4/2016. Vốn điều lệ của Smart Media là 90.000.000.000 Đồng Việt Nam. Tại ngày 31/12/2017, Tổng Công ty sở hữu 20% vốn điều lệ của công ty liên kết. Hoạt động kinh doanh chủ yếu của Smart Media là kinh doanh dịch vụ quảng cáo đa phương tiện, tổ chức sự kiện, hoạt động quan hệ công chúng; tư vấn, thiết kế trong lĩnh vực quảng cáo, tiếp thị; sản xuất và mua bán các sản phẩm quảng cáo; cung cấp và khai thác nội dung, thông tin, dịch vụ giá trị gia tăng trên mạng viễn thông, Internet và các phương tiện thông tin đại chúng.

*(iii) Công ty CP VTVcab Nam Định*

Công ty CP VTVcab Nam Định (“VTVcab Nam Định”) được thành lập tại Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0600339309 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Nam Định cấp ngày 25/6/2005 và thay đổi Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp lần gần nhất (lần thứ 6) vào ngày 6/10/2015. Vốn điều lệ của VTVcab Nam Định là 21.034.200.000 Đồng Việt Nam. Tại ngày 31/12/2017, Tổng Công ty chiếm 39% vốn điều lệ của công ty liên kết. Hoạt động kinh doanh chủ yếu của VTVcab Nam Định là kinh doanh dịch vụ truyền hình cáp trả tiền.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2017**

**4 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**(b) Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết (tiếp theo)**

*(iv) Công ty CP Truyền thông ON+*

Công ty CP Truyền thông ON+ (“ON+”) được thành lập tại Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0314550692 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 2/8/2017. Vốn điều lệ của ON+ là 10.000.000.000 Đồng Việt Nam. Tại ngày 31/12/2017, Tổng Công ty chiếm 36% vốn điều lệ của công ty liên kết. Hoạt động kinh doanh chủ yếu của ON+ là kinh doanh dịch vụ quảng cáo.

**5 PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG**

	2017 VNĐ	2016 VNĐ
Bên thứ ba	239.011.983.393	154.274.007.008
<i>Trong đó bao gồm:</i>		
- Công ty CP Truyền thông Bóng đá Việt Nam	34.937.940.000	22.320.840.000
- Tổng Công ty Viễn thông Viettel	21.220.461.994	7.712.174.458
- Công ty TNHH Đầu tư Ngọc Bích	14.811.875.000	3.915.000.000
- Công ty CP Truyền hình cáp STV	13.220.948.723	10.969.256.641
- Công ty CP Truyền thông ITV	11.678.800.000	2.870.200.000
- Công ty CP Truyền thông S	10.578.381.944	6.495.652.174
- Các khách hàng khác	132.563.575.732	99.990.883.735
Bên liên quan (Thuyết minh 29(b))	5.748.035.146	19.512.361.671
	<u>244.760.018.539</u>	<u>173.786.368.679</u>
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(18.126.083.032)	(17.552.241.886)
<i>Trong đó bao gồm:</i>		
- Công ty CP Truyền thông Bóng đá Việt Nam	(10.978.088.000)	(1.700.000.000)
- Công ty TNHH Truyền hình số vệ tinh Việt Nam (bên liên quan)	-	(13.114.972.727)
- Các khách hàng khác	(7.147.995.032)	(2.737.269.159)

Biến động về dự phòng phải thu khó đòi trong năm như sau:

	2017 VNĐ	2016 VNĐ
Số dư đầu năm	17.552.241.886	20.323.601.068
Tăng dự phòng	13.941.804.667	2.800.940.818
Hoàn nhập dự phòng khoản phải thu khó đòi (*)	(13.367.963.521)	(5.572.300.000)
Số dư cuối năm	<u>18.126.083.032</u>	<u>17.552.241.886</u>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2017**

**5 PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG (TIẾP THEO)**

(\*) Khoản hoàn nhập dự phòng nợ phải thu khó đòi trong năm chủ yếu là khoản hoàn nhập dự phòng cho khoản phải thu từ Công ty TNHH Truyền hình số vệ tinh Việt Nam với số tiền là 13.114.972.727 Đồng Việt Nam. Số tiền này đã được thanh toán cho VTVcab trong năm 2017.

**6 TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	2017 VNĐ	2016 VNĐ
Bên thứ ba	9.818.273.835	42.109.180.440
<i>Trong đó bao gồm:</i>		
- Công ty CP Điện tử Tin học Viễn thông	2.112.260.644	2.121.210.644
- Công ty CP Công nghệ Truyền thông DTS	3.005.600.000	-
- Công ty TNHH Thương mại TC	-	12.219.475.447
- Công ty CP Điện ảnh truyền hình	-	7.889.800.000
- Công ty CP Tập đoàn HIPT	-	7.717.915.260
- Các nhà cung cấp khác	4.700.413.191	12.160.779.089
Bên liên quan (Thuyết minh 29(b))	-	186.402.994
	9.818.273.835	42.295.583.434
	9.818.273.835	42.295.583.434

**7 CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC**

**(a) Phải thu ngắn hạn khác**

	2017 VNĐ	2016 VNĐ
Bên thứ ba	72.170.600.302	60.236.980.977
<i>Trong đó bao gồm:</i>		
- Phải thu từ các đơn vị hợp tác kinh doanh (*)	41.971.743.205	48.742.661.888
- Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	490.526.000	1.279.311.600
- Tạm ứng	1.511.543.462	1.168.436.596
- Phải thu khác	28.196.787.635	9.046.570.893
Bên liên quan (Thuyết minh 29(b))	14.727.342.323	2.583.749.763
	86.897.942.625	62.820.730.740
	86.897.942.625	62.820.730.740

(\*) Phải thu từ các đơn vị hợp tác kinh doanh là khoản phải thu liên quan tới lợi nhuận được chia từ các hợp đồng BCC giữa Tổng Công ty và các đơn vị hợp tác kinh doanh trong việc xây dựng, vận hành và kinh doanh các mạng truyền hình cáp để cung cấp dịch vụ truyền hình cáp, truyền hình số và các dịch vụ, hàng hóa liên quan khác.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2017

7 CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC (TIẾP THEO)

(b) Phải thu dài hạn khác

	2017 VNĐ	2016 VNĐ
Góp vốn các đơn vị hợp tác kinh doanh (*)	38.373.077.669	28.597.921.280
Ký quỹ, ký cược	1.050.909.600	736.409.600
	<u>39.423.987.269</u>	<u>29.334.330.880</u>

(\*) Đây là các khoản góp vốn của Tổng Công ty chuyển cho các đơn vị hợp tác kinh doanh để thực hiện các hợp đồng BCC nhằm xây dựng, vận hành và kinh doanh các mạng truyền hình cáp mà trong đó các mạng truyền hình cáp được bàn giao cho các đơn vị đó theo hợp đồng BCC vận hành và khai thác (Thuyết minh 2.7(c)).

Chi tiết các khoản góp vốn hợp tác kinh doanh của Tổng Công ty với các đơn vị hợp tác kinh doanh được trình bày như sau:

	2017 VNĐ	2016 VNĐ
Công ty CP Truyền hình cáp Nghệ An (Nghệ An)	9.286.774.536	9.286.774.536
Công ty CP Đầu tư Truyền hình cáp HT (Hà Tĩnh)	5.819.929.264	5.105.450.000
Công ty CP Điện tử Tin học Viễn thông Hải Phòng (Hải Phòng)	5.000.000.000	5.000.000.000
Công ty CP Điện tử Thái Bình (Thái Bình)	2.000.000.000	2.000.000.000
Công ty CP Truyền hình cáp Hải Dương (Hải Dương)	11.373.717.299	3.976.158.921
Công ty CP Minh Trí (Quảng Ninh)	2.950.866.511	2.950.866.511
Công ty TNHH Thương mại Viễn thông Nhật Tân (Bà Rịa - Vũng Tàu)	278.671.312	278.671.312
Công ty CP Điện tử Viễn thông Thành Biên (Hòa Bình)	1.663.118.747	-
	<u>38.373.077.669</u>	<u>28.597.921.280</u>

8 HÀNG TỒN KHO

	2017		2016	
	Giá gốc VNĐ	Dự phòng VNĐ	Giá gốc VNĐ	Dự phòng VNĐ
Hàng đang đi trên đường	120.715.000	-	1.096.579.730	-
Nguyên vật liệu tồn kho	179.758.375.655	(46.754.824)	248.111.855.174	(431.319.019)
Công cụ, dụng cụ trong kho	8.039.124.155	-	8.101.459.989	-
Hàng hóa	132.861.775.195	-	103.395.119.349	(264.269.010)
Hàng gửi bán	6.693.811.336	-	5.905.750.000	-
	<u>327.473.801.341</u>	<u>(46.754.824)</u>	<u>366.610.764.242</u>	<u>(695.588.029)</u>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2017**

**9 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC****(a) Chi phí trả trước ngắn hạn**

	2017 VNĐ	2016 VNĐ
Chi phí quảng cáo, bản quyền chương trình truyền hình	92.877.298.860	76.177.472.385
Công cụ, dụng cụ xuất dùng chờ phân bổ	4.412.286.588	3.844.631.239
Chi phí thuê văn phòng	3.366.767.055	5.270.566.239
Chi phí khác	8.268.538.863	5.733.702.756
	<u>108.924.891.366</u>	<u>91.026.372.619</u>

**(b) Chi phí trả trước dài hạn**

	2017 VNĐ	2016 VNĐ
Lợi thế thương mại (Thuyết minh 2.10) (i)	212.020.446.550	229.761.692.010
Đầu thu kỹ thuật số (Thuyết minh 2.10) (ii)	145.762.961.750	130.573.276.176
Chi phí quảng cáo, bản quyền chương trình truyền hình	22.400.395.587	79.179.925.602
Thiết bị cung cấp dịch vụ Internet	48.459.613.189	16.514.149.654
Công cụ, dụng cụ xuất dùng chờ phân bổ	3.597.730.831	5.194.566.932
Chi phí khác	10.171.941.064	24.391.983.613
	<u>442.413.088.971</u>	<u>485.615.593.987</u>

(i) Biến động của Lợi thế thương mại trong năm như sau:

	2017 VNĐ	2016 VNĐ
Số dư đầu năm	229.761.692.010	200.726.455.321
Tăng trong năm	13.056.445.384	57.910.503.777
Phân bổ trong năm (Thuyết minh 26)	(30.797.690.844)	(28.875.267.088)
Số dư cuối năm	<u>212.020.446.550</u>	<u>229.761.692.010</u>

(ii) Biến động của Đầu thu kỹ thuật số trong năm như sau:

	2017 VNĐ	2016 VNĐ
Số dư đầu năm	130.573.276.176	16.177.572.858
Tăng trong năm	85.682.154.118	152.049.483.003
Phân bổ trong năm	(70.492.468.544)	(37.653.779.685)
Số dư cuối năm	<u>145.762.961.750</u>	<u>130.573.276.176</u>

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN TỔNG CÔNG TY TRUYỀN HÌNH CẤP VIỆT NAM

Mẫu số B 09 – DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2017

10 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH

(a) Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc VNĐ	Máy móc thiết bị VNĐ	Phương tiện vận tải VNĐ	Thiết bị quản lý VNĐ	Tổng cộng VNĐ
<b>Nguyên giá</b>					
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2017	26.438.138.735	1.621.603.257.396	16.392.668.932	24.480.052.038	1.688.914.117.101
Mua mới trong năm	-	66.092.931.203	652.543.636	768.576.324	67.514.051.163
Xây dựng cơ bản mới hoàn thành (Thuyết minh 11)	4.799.935.759	185.640.762.232	-	69.939.000	190.510.636.991
TSCĐ chuyển trả cho VTV	(394.481.000)	-	-	-	(394.481.000)
Phân loại lại	-	(40.450.000)	-	40.450.000	-
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017	30.843.593.494	1.873.296.500.831	17.045.212.568	25.359.017.362	1.946.544.324.255
<b>Khấu hao lũy kế</b>					
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2017	(3.491.293.278)	(1.063.816.285.852)	(9.492.137.513)	(10.179.945.809)	(1.086.979.662.452)
Khấu hao trong năm	(1.227.196.978)	(238.219.490.675)	(2.097.279.387)	(4.311.656.554)	(245.855.623.594)
TSCĐ chuyển trả cho VTV	394.481.000	-	-	-	394.481.000
Phân loại lại	-	2.682.168	-	(2.682.168)	-
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017	(4.324.009.256)	(1.302.033.094.359)	(11.589.416.900)	(14.494.284.531)	(1.332.440.805.046)
<b>Giá trị còn lại</b>					
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2017	22.946.845.457	557.786.971.544	6.900.531.419	14.300.106.229	601.934.454.649
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017	26.519.584.238	571.263.406.472	5.455.795.668	10.864.732.831	614.103.519.209

Nguyên giá TSCĐ hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng còn sử dụng là 965.849.160.291 Đồng Việt Nam (tại ngày 31 tháng 12 năm 2016: 743.001.540.974 Đồng Việt Nam).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2017

10 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH (TIẾP THEO)

(b) Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất (*) VNĐ	Phần mềm VNĐ	Tổng cộng VNĐ
<b>Nguyên giá</b>			
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2017	3.252.780.000	60.995.300.098	64.248.080.098
Mua mới trong năm	-	17.663.468.358	17.663.468.358
Xây dựng cơ bản mới hoàn thành (Thuyết minh 11)	-	69.939.000	69.939.000
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017	<u>3.252.780.000</u>	<u>78.728.707.456</u>	<u>81.981.487.456</u>
<b>Khấu hao lũy kế</b>			
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2017	-	(32.262.600.492)	(32.262.600.492)
Khấu hao trong năm	-	(17.144.902.498)	(17.144.902.498)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017	-	<u>(49.407.502.990)</u>	<u>(49.407.502.990)</u>
<b>Giá trị còn lại</b>			
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2017	<u>3.252.780.000</u>	<u>28.732.699.606</u>	<u>31.985.479.606</u>
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017	<u>3.252.780.000</u>	<u>29.321.204.466</u>	<u>32.573.984.466</u>

(\*) Là quyền sử dụng đất không thời hạn cho hai khu đất của VTCab tại Số 89 Giang Văn Minh, phường Đội Cấn, quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội và Số 12 Nguyễn Văn Trỗi, thị trấn Cam Đức, huyện Cam Lâm, tỉnh Khánh Hòa.

Nguyên giá TSCĐ vô hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng còn sử dụng là 20.909.580.479 Đồng Việt Nam (tại ngày 31 tháng 12 năm 2016: 12.784.887.282 Đồng Việt Nam).

11 CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

Số dư cuối năm của chi phí xây dựng cơ bản dở dang chủ yếu bao gồm chi phí lắp đặt, xây dựng các mạng truyền hình cáp và các máy móc, thiết bị đang lắp đặt chưa đưa vào sử dụng. Biến động chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong năm như sau:

	2017 VNĐ	2016 VNĐ
Số dư đầu năm	135.991.646.279	156.343.920.740
Tăng từ mua sắm và xây dựng mới	185.679.933.242	209.254.769.582
Chuyển sang TSCĐ hữu hình (Thuyết minh 10(a))	(190.510.636.991)	(221.973.857.534)
Chuyển sang TSCĐ vô hình (Thuyết minh 10(b))	(69.939.000)	(7.633.186.509)
Số dư cuối năm	<u>131.091.003.530</u>	<u>135.991.646.279</u>

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN TỔNG CÔNG TY TRUYỀN HÌNH CẤP VIỆT NAM

Mẫu số B 09 – DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2017

12 PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	2017 VNĐ	2016 VNĐ
<b>(a) Ngắn hạn</b>		
Bên thứ ba	481.625.898.737	443.200.119.002
<i>Trong đó bao gồm:</i>		
- Công ty TNHH Truyền thông và Tin học PAMA	28.567.690.012	21.056.632.012
- Công ty CP Công nghệ Đông Dương	133.706.521.372	84.977.387.473
- Công ty TNHH Giải trí Truyền thông Q.NET	47.764.637.337	46.833.615.672
- Công ty CP Tập đoàn HIPT	32.430.837.340	-
- Công ty CP Thương mại và Nội dung Số Việt	28.287.687.000	11.176.805.000
- Các nhà cung cấp khác	210.868.525.676	279.155.678.845
Bên liên quan (Thuyết minh 29(b))	62.675.933.109	46.508.758.391
	<u>544.301.831.846</u>	<u>489.708.877.393</u>
<b>(b) Dài hạn</b>		
Bên thứ ba	2.061.140.299	179.029.247.690
<i>Trong đó bao gồm:</i>		
- Công ty CP Truyền thông Xây dựng Thành An	2.061.140.299	-
- Công ty CP Công nghệ Đông Dương	-	132.213.079.240
- Công ty TNHH Truyền thông và Tin học PAMA	-	10.513.800.000
- Công ty CP Công nghệ và Truyền hình - Tekcast	-	19.590.868.450
- Các nhà cung cấp khác	-	16.711.500.000

13 NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC

	2017 VNĐ	2016 VNĐ
<b>(a) Ngắn hạn</b>		
Bên thứ ba (*)	196.567.726.876	171.902.120.568
Bên liên quan (Thuyết minh 29(b)) (**)	17.095.834.069	17.503.287.851
	<u>213.663.560.945</u>	<u>189.405.408.419</u>
<b>(b) Dài hạn</b>		
Bên thứ ba (*)	4.756.703.049	10.910.727.299
Bên liên quan (Thuyết minh 29(b)) (**)	92.096.922.360	106.006.297.356
	<u>96.853.625.409</u>	<u>116.917.024.655</u>

(\*) Khoản mục này chủ yếu bao gồm tiền trả trước của khách hàng sử dụng dịch vụ truyền hình, tiền bản quyền truyền hình và dịch vụ quảng cáo.

(\*\*) Khoản mục này chủ yếu bao gồm phí sử dụng độc quyền phát sóng kênh mua sắm tại nhà cho giai đoạn tám năm từ ngày 1/3/2016 đến ngày 29/2/2024 theo hợp đồng số 01/2016/HĐSDBQKT/VTVCab-VTV-HYUNDAI giữa VTVCab và Công ty TNHH Mua sắm tại nhà VTV-HUYNDAL, công ty liên kết.

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN TỔNG CÔNG TY TRUYỀN HÌNH CẤP VIỆT NAM

Mẫu số B 09 – DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2017

14 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN KHÁC PHẢI THU, PHẢI NỘP NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

Tình hình biến động trong năm của thuế và các khoản khác phải thu, phải nộp ngân sách Nhà Nước như sau:

	Tại ngày 31/12/2016 VNĐ	Số phải nộp trong năm VNĐ	Số đã thực nộp trong năm VNĐ	Chuyển sang từ phải thu/phải nộp VNĐ	Tại ngày 31/12/2017 VNĐ
<b>(a) Phải thu</b>					
Thuế thu nhập cá nhân	747.639.070	-	-	3.453.406	751.092.476
Thuế thu nhập doanh nghiệp	16.995.944.381	-	-	(9.070.637.986)	7.925.306.395
	<u>17.743.583.451</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>(9.067.184.580)</u>	<u>8.676.398.871</u>
<b>(b) Phải nộp</b>					
Thuế GTGT	2.150.479.005	70.741.221.532	(68.221.395.884)	-	4.670.304.653
Thuế thu nhập cá nhân	-	2.955.066.642	(2.958.520.048)	3.453.406	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	10.696.446.613	(1.625.808.627)	(9.070.637.986)	-
Khác	-	13.624.201.057	(13.447.295.501)	-	176.905.556
	<u>2.150.479.005</u>	<u>98.016.935.844</u>	<u>(86.253.020.060)</u>	<u>(9.067.184.580)</u>	<u>4.847.210.209</u>

*ds*

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2017

15 CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	2017 VNĐ	2016 VNĐ
Chi phí bản quyền chương trình truyền hình	15.200.063.653	7.426.153.141
Chi phí quảng cáo	2.634.669.891	1.319.399.709
Chi phí sản xuất chương trình truyền hình	3.840.274.545	3.645.090.909
Lãi vay	2.184.852.776	1.770.101.625
Chi phí phải trả khác	9.989.651.603	8.192.219.927
	<u>33.849.512.468</u>	<u>22.352.965.311</u>

16 PHẢI TRẢ KHÁC

(a) Ngắn hạn

	2017 VNĐ	2016 VNĐ
Bên thứ ba	108.228.730.420	72.292.670.229
<i>Trong đó bao gồm:</i>		
- Phải trả cho các đơn vị hợp tác kinh doanh (i)	89.359.211.050	25.307.201.102
- Khác	18.869.519.370	46.985.469.127
Bên liên quan (Thuyết minh 29(b)) (ii)	73.707.911.442	54.711.008.226
	<u>181.936.641.862</u>	<u>127.003.678.455</u>

(i) Phải trả khác cho các đơn vị hợp tác kinh doanh là khoản phải trả liên quan tới lợi nhuận mà VTCab phân chia cho các đơn vị hợp tác kinh doanh trong việc xây dựng, vận hành và kinh doanh các mạng truyền hình cáp để cung cấp dịch vụ truyền hình cáp, truyền hình số và các dịch vụ, hàng hóa liên quan khác.

(ii) Khoản mục này chủ yếu bao gồm khoản phải trả cho Đài Truyền hình Việt Nam ("VTV"), chủ sở hữu, liên quan tới phân phối lợi nhuận năm 2016 và 2017 của Tổng Công ty cho VTV.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2017

16 PHẢI TRẢ KHÁC (TIẾP THEO)

(b) Dài hạn

Phải trả dài hạn khác là các khoản góp vốn của các đơn vị khác chuyển cho Tổng Công ty để thực hiện các hợp đồng BCC nhằm xây dựng, vận hành và kinh doanh các trạm truyền hình cáp mà trong đó các mạng truyền hình cáp được bàn giao cho Tổng Công ty để vận hành và khai thác (Thuyết minh 2.7(c)).

	2017 VNĐ	2016 VNĐ
Công ty CP Sông Việt Thanh Hóa (Thanh Hóa, Thái Nguyên, Phú Thọ)	5.486.977.045	5.486.977.045
Công ty CP Phát triển Công nghệ Sao Nam (Thái Nguyên)	1.200.000.000	1.200.000.000
Công ty TNHH Thương mại dịch vụ và Phát triển Viễn thông Sao Đỏ (Bắc Giang)	4.474.265.842	3.845.298.115
Công ty TNHH Điện tử Sao Đỏ (Bắc Giang, Ninh Bình)	7.081.297.099	7.081.297.099
Công ty TNHH Văn Minh Diễn Châu (Nghệ An)	895.221.223	895.221.223
	19.137.761.209	18.508.793.482

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN TỔNG CÔNG TY TRUYỀN HÌNH CẤP VIỆT NAM

Mẫu số B 09 – DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2017

17 CÁC KHOẢN VAY

	Tại ngày 31/12/2016 VNĐ	Tăng VNĐ	Giảm VNĐ	Nợ dài hạn đến hạn trả VNĐ	Tại ngày 31/12/2017 VNĐ
(a) <b>Vay ngắn hạn</b>					
Vay ngân hàng (*)	<u>400.952.430.224</u>	<u>382.696.522.961</u>	<u>(597.815.489.381)</u>	<u>213.684.296.968</u>	<u>399.517.760.772</u>
(b) <b>Vay dài hạn</b>					
Vay ngân hàng (**)	<u>290.147.272.512</u>	<u>313.561.774.374</u>	<u>(33.545.109.977)</u>	<u>(213.684.296.968)</u>	<u>356.479.639.941</u>

(\*) Vay ngắn hạn ngân hàng là các khoản vay bằng Đồng Việt Nam tại các ngân hàng tại Việt Nam có thời hạn vay không quá 12 tháng nhằm mục đích huy động nguồn vốn kinh doanh cho Tổng Công ty và được đảm bảo bởi tài sản hình thành từ vốn vay và doanh thu thu được từ tài sản hình thành từ vốn vay. Các khoản vay có mức lãi suất từ 5,9% đến 8,5% mỗi năm.

(\*\*) Vay dài hạn ngân hàng là các khoản vay bằng Đồng Việt Nam tại các ngân hàng tại Việt Nam có thời hạn vay từ trên 12 tháng đến 60 tháng phục vụ cho mục đích huy động nguồn vốn kinh doanh của Tổng Công ty và chủ yếu được đảm bảo bởi các tài sản hình thành từ vốn vay, doanh thu thu được từ tài sản hình thành từ vốn vay và cổ phần của Tổng Công ty tại các công ty con. Các khoản vay có mức lãi suất từ 7,0% đến 9,6% mỗi năm được tính và điều chỉnh dựa theo lãi suất huy động tiết kiệm hoặc lãi suất cho vay dành cho doanh nghiệp cộng thêm 1,2% đến 2,5% tùy theo thỏa thuận của từng hợp đồng vay ký kết với ngân hàng.



CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN TỔNG CÔNG TY TRUYỀN HÌNH CẤP VIỆT NAM

Mẫu số B 09 – DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2017

17 CÁC KHOẢN VAY (TIẾP THEO)

Chi tiết số dư các khoản vay ngân hàng của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 như sau:

	2017		2016	
	Ngắn hạn VNĐ	Dài hạn VNĐ	Ngắn hạn VNĐ	Dài hạn VNĐ
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	177.744.058.295	76.276.523.147	148.404.224.300	73.725.672.238
Ngân hàng TNHH MTV HSBC Việt Nam	50.223.675.281	105.086.307.556	13.230.922.685	45.468.012.128
Ngân hàng TMCP Quân đội	60.378.884.378	23.013.214.400	62.009.160.616	48.695.770.778
Ngân hàng TMCP Tiên Phong	17.300.054.348	21.625.067.937	81.354.027.174	38.925.122.285
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	54.527.810.438	48.421.087.640	23.783.204.615	-
Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam	39.343.278.032	82.057.439.261	16.666.539.016	83.332.695.083
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	-	-	55.504.351.818	-
	<u>399.517.760.772</u>	<u>356.479.639.941</u>	<u>400.952.430.224</u>	<u>290.147.272.512</u>

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN TỔNG CÔNG TY TRUYỀN HÌNH CẤP VIỆT NAM

Mẫu số B 09 – DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2017

18 QUỸ KHEN THƯỞNG, PHÚC LỢI

	2017 VNĐ	2016 VNĐ
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	28.132.844.345	36.171.292.544

Biến động của quỹ khen thưởng, phúc lợi trong năm như sau:

	2017 VNĐ	2016 VNĐ
Tại ngày 1 tháng 1	36.171.292.544	62.828.265.031
Trích từ lợi nhuận sau thuế (Thuyết minh 20)	25.927.698.992	33.915.701.213
Điều chỉnh quỹ khen thưởng, phúc lợi đã trích theo quyết định của VTV (Thuyết minh 20)	(335.440.188)	(32.688.757.765)
Sử dụng quỹ trong năm	(33.630.707.003)	(27.883.915.935)
Tại ngày 31 tháng 12	28.132.844.345	36.171.292.544

19 VỐN GÓP CỦA CHỦ SỞ HỮU

	Vốn điều lệ		Vốn đã góp VNĐ
	VNĐ	%	
Đài Truyền hình Việt Nam (“VTV”)	458.000.000.000	100	458.000.000.000

Theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp ngày 26 tháng 6 năm 2012 và các thay đổi Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp, vốn điều lệ của Tổng Công ty là 458.000.000.000 Đồng Việt Nam và đã được VTV góp đủ.

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN TỔNG CÔNG TY TRUYỀN HÌNH CẤP VIỆT NAM

Mẫu số B 09 – DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2017

20 TÌNH HÌNH TĂNG GIẢM NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU

	Vốn góp của chủ sở hữu VNĐ	Quỹ đầu tư phát triển VNĐ	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VNĐ	Tổng cộng VNĐ
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2016	440.000.000.000	10.810.762.757	-	450.810.762.757
Vốn tăng trong năm	18.000.000.000	-	-	18.000.000.000
Lợi nhuận trong năm	-	-	68.588.977.396	68.588.977.396
Chia bổ sung lỗ các năm trước cho đơn vị hợp tác kinh doanh theo hợp đồng BCC	-	-	3.473.462.082	3.473.462.082
Điều chỉnh quỹ khen thưởng, phúc lợi đã trích năm 2015 (Thuyết minh 18)	-	-	32.688.757.765	32.688.757.765
Trích thêm quỹ đầu tư phát triển cho năm 2015	-	2.688.757.765	(2.688.757.765)	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 18)	-	-	(33.915.701.213)	(33.915.701.213)
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	1.506.738.265	(1.506.738.265)	-
Chuyển lợi nhuận về Đài Truyền hình Việt Nam	-	-	(66.640.000.000)	(66.640.000.000)
<b>Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016</b>	<b>458.000.000.000</b>	<b>15.006.258.787</b>	<b>-</b>	<b>473.006.258.787</b>
Lợi nhuận trong năm	-	-	62.567.698.992	62.567.698.992
Điều chỉnh quỹ khen thưởng, phúc lợi đã trích năm 2016 (Thuyết minh 18)	-	-	335.440.188	335.440.188
Trích thêm quỹ đầu tư phát triển cho năm 2016	-	335.440.188	(335.440.188)	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 18) (*)	-	-	(25.927.698.992)	(25.927.698.992)
Chuyển lợi nhuận về Đài Truyền hình Việt Nam (*)	-	-	(36.640.000.000)	(36.640.000.000)
<b>Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017</b>	<b>458.000.000.000</b>	<b>15.341.698.975</b>	<b>-</b>	<b>473.341.698.975</b>

(\*) Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (25.927.698.992 Đồng Việt Nam) và chuyển lợi nhuận về VTV (36.640.000.000 Đồng Việt Nam) được thực hiện theo Tờ trình tạm phân phối lợi nhuận năm 2017 ngày 24 tháng 3 năm 2018 do Chủ tịch của Tổng Công ty phê duyệt.

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN TỔNG CÔNG TY TRUYỀN HÌNH CẤP VIỆT NAM

Mẫu số B 09 – DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2017

20 TÌNH HÌNH TĂNG GIẢM NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP THEO)

Biến động về việc phân phối lợi nhuận về VTV trong năm như sau:

	2017 VNĐ	2016 VNĐ
<b>Lợi nhuận phân phối phải trả VTV:</b>		
Tại ngày 1 tháng 1	51.823.780.000	30.000
Lợi nhuận phân phối trong năm cho VTV (Thuyết minh 29(a))	36.640.000.000	66.640.000.000
Lợi nhuận phân phối đã thanh toán cho VTV	(25.000.000.000)	(15.000.000.000)
Khác	-	183.750.000
	<u>63.463.780.000</u>	<u>51.823.780.000</u>
Tại ngày 31 tháng 12 (Thuyết minh 29(b))	<u>63.463.780.000</u>	<u>51.823.780.000</u>

21 DOANH THU

	2017 VNĐ	2016 VNĐ
<b>Doanh thu</b>		
Doanh thu bán hàng	19.799.639.430	14.902.345.822
Doanh thu cung cấp dịch vụ (*)	2.419.677.489.384	2.133.854.999.359
Doanh thu nhận từ các hợp đồng BCC	168.424.887.557	168.301.645.638
Doanh thu chia đi từ các hợp đồng BCC	(314.542.182.874)	(260.951.896.217)
	<u>2.293.359.833.497</u>	<u>2.056.107.094.602</u>
<b>Các khoản giảm trừ</b>	<u>(35.657.587)</u>	<u>(11.065.199.435)</u>
<b>Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<u>2.293.324.175.910</u>	<u>2.045.041.895.167</u>

(\*) Bao gồm trong doanh thu cung cấp dịch vụ là doanh thu cung cấp dịch vụ internet để tính Quỹ Dịch vụ viễn thông công ích là 79.784.559.486 Đồng Việt Nam (2016: 34.299.512.382 Đồng Việt Nam).

22 GIÁ VỐN

	2017 VNĐ	2016 VNĐ
Giá vốn hàng hóa đã bán	20.186.312.473	14.364.490.706
Giá vốn dịch vụ đã cung cấp	1.626.515.098.477	1.374.267.527.928
Chi phí nhận từ các đơn vị hợp tác kinh doanh	135.373.993.602	117.519.529.536
Chi phí chia cho các đơn vị hợp tác kinh doanh	(64.266.861.307)	(40.330.703.967)
	<u>1.717.808.543.245</u>	<u>1.465.820.844.203</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2017

23 DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	2017 VNĐ	2016 VNĐ
Cổ tức nhận được từ các công ty con, công ty liên kết (Thuyết minh 29(a))	20.182.959.982	19.387.075.240
Lãi tiền gửi	814.742.701	1.140.783.154
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện	58.601.852	497.304.240
	<u>21.056.304.535</u>	<u>21.025.162.634</u>

24 CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	2017 VNĐ	2016 VNĐ
Chi phí lãi vay	60.715.769.159	39.126.861.703
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	114.715.483	131.995.762
Lỗ thuần do đánh giá lại các khoản có gốc ngoại tệ cuối năm	45.830.358	447.097.010
Hoàn nhập dự phòng giảm giá khoản đầu tư dài hạn	-	(760.626.070)
Khác	115.425.221	-
	<u>60.991.740.221</u>	<u>38.945.328.405</u>

25 CHI PHÍ BÁN HÀNG

	2017 VNĐ	2016 VNĐ
Chi phí quảng cáo	129.317.204.827	128.546.251.983
Chi phí nhân viên	34.727.816.237	39.959.258.397
Chi phí dịch vụ mua ngoài	25.354.702.807	25.565.707.173
Chi phí chia cho các đơn vị hợp tác kinh doanh	(3.486.540.122)	(3.133.705.862)
Khác	6.468.931.461	5.651.202.623
	<u>192.382.115.210</u>	<u>196.588.714.314</u>

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN TỔNG CÔNG TY TRUYỀN HÌNH CẤP VIỆT NAM

Mẫu số B 09 – DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2017

26 CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	2017 VNĐ	2016 VNĐ
Chi phí nhân viên	80.914.099.196	90.464.940.588
Chi phí khấu hao TSCĐ	58.807.046.937	69.696.799.470
Lợi thế thương mại (Thuyết minh 9(b))	30.797.690.844	28.875.267.088
Chi phí dịch vụ mua ngoài	68.519.950.318	51.336.777.666
Đồ dùng thiết bị văn phòng	17.097.235.629	20.889.807.763
Chi phí công tác, hội thảo và đào tạo	10.231.668.149	13.048.414.326
Trích lập/(hoàn nhập) chi phí dự phòng nợ phải thu khó đòi	573.841.146	(2.771.359.182)
Chi phí chia cho các đơn vị hợp tác kinh doanh	(20.981.512.384)	(14.404.079.521)
Khác	23.798.080.378	26.024.498.756
	<u>269.758.100.213</u>	<u>283.161.066.954</u>

27 THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) của Tổng Công ty trong năm được trình bày như sau:

	2017 VNĐ	2016 VNĐ
Lợi nhuận kế toán trước thuế	73.248.069.479	82.019.331.592
Thuế tính ở thuế suất 20%	14.649.613.895	16.403.866.318
Điều chỉnh:		
Thu nhập không chịu thuế	(4.036.591.996)	(3.877.398.363)
Chi phí không được khấu trừ	67.348.588	903.886.241
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (*)	<u>10.680.370.487</u>	<u>13.430.354.196</u>
Chi phí thuế TNDN ghi nhận trong báo cáo kết quả kinh doanh:		
Thuế TNDN - hiện hành	10.741.575.197	1.941.323.898
<i>Trong đó bao gồm:</i>		
- Thuế TNDN - hiện hành phát sinh tại Tổng Công ty	10.578.422.722	1.796.513.231
- Thuế TNDN - hiện hành phân chia từ các đơn vị hợp tác kinh doanh	163.152.475	144.810.667
Thuế TNDN - hoãn lại	(61.204.710)	11.489.030.298
	<u>10.680.370.487</u>	<u>13.430.354.196</u>

(\*) Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp cho năm tài chính được ước tính dựa vào thu nhập chịu thuế và có thể có những điều chỉnh tùy thuộc vào sự kiểm tra của cơ quan thuế.

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN TỔNG CÔNG TY TRUYỀN HÌNH CẤP VIỆT NAM

Mẫu số B 09 – DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2017

28 CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	2017 VNĐ	2016 VNĐ
Chi phí nguyên vật liệu, hàng hóa	169.303.509.912	136.791.883.186
Chi phí khấu hao TSCĐ	263.000.526.092	279.449.730.271
Chi phí nhân viên	273.475.600.927	318.675.125.734
Chi phí bản quyền, truyền dẫn và sản xuất chương trình	755.512.233.020	560.372.215.675
Chi phí quảng cáo	129.809.752.819	150.957.045.043
Chi phí thuê (cột điện, đường truyền, văn phòng, ...)	319.103.186.184	224.439.376.290
Lợi thế thương mại (Thuyết minh 9(b))	30.797.690.844	28.875.267.088
Trích lập/(hoàn nhập) chi phí dự phòng nợ phải thu khó đòi	573.841.146	(2.771.359.182)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	126.275.066.787	108.458.628.083
Chi phí phân chia của hợp đồng BCC	46.639.079.789	59.651.040.186
Chi phí khác	65.458.271.148	80.671.673.097
	<u>2.179.948.758.668</u>	<u>1.945.570.625.471</u>

29 THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN

Tổng Công ty được kiểm soát bởi Đài Truyền hình Việt Nam ("VTV"), đơn vị sở hữu 100% vốn điều lệ của Tổng Công ty.

Các bên liên quan có giao dịch với Tổng Công ty trong năm như sau:

Công ty	Quan hệ
Đài Truyền hình Việt Nam ("VTV")	Công ty mẹ
Ban Biên tập Truyền hình cáp - VTV	Trực thuộc VTV
Văn phòng Đài - Đài Truyền hình Việt Nam	Trực thuộc VTV
Trung tâm quảng cáo và dịch vụ truyền hình Đài Truyền hình Việt Nam	Trực thuộc VTV
Công ty TNHH Truyền hình số Vệ tinh Việt Nam ("VSTV")	Công ty con của VTV
Công ty TNHH Truyền hình cáp Saigontourist ("SCTV")	Công ty liên doanh của VTV
Công ty CP Công nghệ Việt Thành ("VITA")	Công ty con
Công ty CP Truyền hình Tương tác Việt Nam ("VTVlive")	Công ty con
Công ty CP VTVcab Nam Định	Công ty liên kết
Công ty TNHH Mua sắm tại nhà VTV-HYUNDAI ("VTV-HYUNDAI")	Công ty liên kết
Công ty CP Truyền thông, Quảng cáo Đa phương tiện	Công ty liên kết
Công ty CP Truyền thông ON+	Công ty liên kết

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2017

29 THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP THEO)

(a) Giao dịch với các bên liên quan

Trong năm, các giao dịch chủ yếu sau đây được thực hiện với các bên liên quan:

	2017 VNĐ	2016 VNĐ
<b><i>Doanh thu cung cấp dịch vụ</i></b>		
Ban Biên tập Truyền hình cáp - VTV	164.805.767	-
Công ty CP Công nghệ Việt Thành	684.699.924	13.609.159.910
Công ty CP Truyền hình Tương tác Việt Nam	9.354.362.556	4.209.564.140
Công ty TNHH Truyền hình số Vệ tinh Việt Nam	21.203.362.504	17.322.829.500
Công ty TNHH Truyền hình cáp Saigontourist	37.608.063.990	42.119.880.548
Công ty CP VTVcab Nam Định	9.686.033.247	6.756.714.384
Công ty TNHH Mua sắm tại nhà VTV-HYUNDAI	14.523.011.360	11.746.145.830
<b><i>Mua hàng hóa và dịch vụ</i></b>		
Văn phòng Đài - Đài Truyền hình Việt Nam	7.109.527.600	-
Trung tâm quảng cáo và dịch vụ truyền hình Đài Truyền hình Việt Nam	2.596.672.728	1.214.445.455
Ban Biên tập Truyền hình cáp - VTV	65.287.958.411	83.446.927.660
Công ty CP Công nghệ Việt Thành	97.455.048.908	84.928.693.392
Công ty CP Truyền hình Tương tác Việt Nam	54.352.765.171	20.575.227.075
Công ty TNHH Truyền hình số Vệ tinh Việt Nam	39.707.525.000	34.827.614.093
Công ty TNHH Truyền hình cáp Saigontourist	37.564.257.779	37.079.333.267
Công ty CP VTVcab Nam Định	523.954.812	-
Công ty TNHH Mua sắm tại nhà VTV-HYUNDAI	47.154.544	356.772.727
<b><i>Cổ tức được chia (Thuyết minh 23)</i></b>		
Công ty CP Công nghệ Việt Thành	18.030.512.171	16.643.732.776
Công ty CP VTVcab Nam Định	982.447.811	2.297.092.464
Công ty CP Truyền thông, Quảng cáo Đa phương tiện	1.170.000.000	446.250.000
	<u>20.182.959.982</u>	<u>19.387.075.240</u>
<b><i>Phân phối lợi nhuận (Thuyết minh 20)</i></b>		
Đài Truyền hình Việt Nam	36.640.000.000	66.640.000.000
<b><i>Góp vốn vào công ty liên kết (Thuyết minh 4(b))</i></b>		
Công ty CP Truyền thông, Quảng cáo Đa phương tiện	-	18.000.000.000
Công ty TNHH Mua sắm tại nhà VTV-HYUNDAI	-	111.275.000.000
Công ty CP Truyền thông ON+	3.600.000.000	-
	<u>3.600.000.000</u>	<u>129.275.000.000</u>



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2017

29 THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP THEO)

(a) Giao dịch với các bên liên quan (tiếp theo)

	2017 VNĐ	2016 VNĐ
<b><i>Các khoản chi cho các nhân sự quản lý chủ chốt</i></b>		
Lương và các quyền lợi gộp khác	2.018.157.142	2.678.593.500
<b><i>Các giao dịch khác</i></b>		
Đài Truyền hình Việt Nam	91.583.700	83.800.000
Công ty CP Công nghệ Việt Thành	-	4.856.485.519
Công ty CP Truyền hình Tương tác Việt Nam	3.722.500.000	-

(b) Số dư cuối năm với các bên liên quan

	2017 VNĐ	2016 VNĐ
<b><i>Phải thu khách hàng (Thuyết minh 5)</i></b>		
Ban Biên tập Truyền hình cáp - VTV	181.286.344	-
Công ty TNHH Truyền hình số Vệ tinh Việt Nam	-	15.239.572.727
Công ty TNHH Truyền hình cáp Saigontourist	2.199.954	2.673.611.111
Công ty CP Công Nghệ Việt Thành	-	376.500.000
Công ty CP Truyền hình Tương tác Việt Nam	3.126.870.120	1.107.333.333
Công ty CP VTVcab Nam Định	2.437.678.728	115.344.500
	<u>5.748.035.146</u>	<u>19.512.361.671</u>
<b><i>Trả trước cho người bán ngắn hạn (Thuyết minh 6)</i></b>		
Công ty CP Công nghệ Việt Thành	-	186.402.994
<b><i>Phải thu ngắn hạn khác (Thuyết minh 7(a))</i></b>		
Công ty CP Công nghệ Việt Thành	10.022.394.512	286.815.123
Công ty CP Truyền hình Tương tác Việt Nam	3.722.500.000	-
Công ty CP VTVcab Nam Định	982.447.811	2.296.934.640
	<u>14.727.342.323</u>	<u>2.583.749.763</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2017

29 THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP THEO)


(b) Số dư cuối năm với các bên liên quan (tiếp theo)

	2017 VNĐ	2016 VNĐ
<b><i>Phải trả người bán ngắn hạn (Thuyết minh 12(a))</i></b>		
Văn phòng Đài - Đài Truyền hình Việt Nam	4.130.097.398	-
Ban Biên tập Truyền hình cáp – VTV	36.956.098.529	31.291.620.426
Trung tâm quảng cáo và dịch vụ truyền hình Đài Truyền hình Việt Nam	500.000.000	-
Công ty CP Truyền hình Tương tác Việt Nam	11.810.037.182	1.926.578.870
Công ty TNHH Truyền hình số Vệ tinh Việt Nam	9.279.700.000	11.713.892.500
Công ty TNHH Truyền hình cáp Saigontourist	-	1.576.666.595
	<u>62.675.933.109</u>	<u>46.508.758.391</u>
<b><i>Người mua trả tiền trước - ngắn hạn (Thuyết minh 13(a))</i></b>		
Công ty CP Công nghệ Việt Thành	-	550.550.000
Công ty CP VTVCab Nam Định	156.156.037	13.059.819
Công ty TNHH Mua sắm tại nhà VTV-HYUNDAI	13.909.374.996	13.909.374.996
Công ty TNHH Truyền hình cáp Saigontourist	3.030.303.036	3.030.303.036
	<u>17.095.834.069</u>	<u>17.503.287.851</u>
<b><i>Người mua trả tiền trước - dài hạn (Thuyết minh 13(b))</i></b>		
Công ty TNHH Mua sắm tại nhà VTV-HYUNDAI	92.096.922.360	106.006.297.356
	<u>92.096.922.360</u>	<u>106.006.297.356</u>
<b><i>Chi phí phải trả ngắn hạn</i></b>		
Công ty CP Truyền hình Tương tác Việt Nam	202.656.660	-
	<u>202.656.660</u>	<u>-</u>
<b><i>Các khoản phải trả ngắn hạn khác (Thuyết minh 16(a))</i></b>		
Đài Truyền hình Việt Nam (Thuyết minh 20)	63.463.780.000	51.823.780.000
Công ty CP Truyền hình Tương tác Việt Nam	2.224.282.140	771.396.752
Công ty CP Công nghệ Việt Thành	8.019.543.752	2.115.525.924
Công ty CP VTVCab Nam Định	305.550	305.550
	<u>73.707.911.442</u>	<u>54.711.008.226</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2017

30 PHÊ DUYỆT BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Báo cáo tài chính riêng đã được Người đại diện theo pháp luật của Tổng Công ty phê duyệt ngày 31 tháng 3 năm 2018.



Nguyễn Hoàng Giang  
Người lập



Trần Ngọc Huyền  
Kế toán trưởng



Hoàng Ngọc Huấn  
Chủ tịch/Người đại diện theo pháp luật